**Mẫu số 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

**Mã hồ sơ: .....**

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó:* ☑*; Nội dung không đúng thì để trống:* ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ;☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Liên ngành Hoá – Công nghệ thực phẩm; Chuyên ngành: Khoa học Vật liệu

## A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THỊ THANH THUÝ

2. Ngày tháng năm sinh: 20/07/1975; Nam ☐; Nữ ☑; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: Phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 228 lô 2, cư xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Hoá học, Khoa Khoa học, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, Khu Phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0918945711;

E-mail: nguyenthanhthuy@hcmuaf.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 12/1997 đến 05/2001: Chuyên viên, Phòng Giáo dục Phổ thông, Sở Giáo dục & Đào tạo, tỉnh Bình Phước.

Từ 06/2001 đến 08/2010: Giảng viên, Bộ môn Hoá học, Khoa Khoa học, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

Từ 09/2010 đến 07/2013: Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Le Mans, Tỉnh Le Mans, Cộng Hoà Pháp.

Từ 08/2013 đến 08/2014: Giảng viên, Bộ môn Hoá học, Khoa Khoa học, Trường Đại học

Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

Từ 09/2014 đến 04/2019: Giảng viên, Trưởng Bộ môn, Bộ môn Hoá học, Khoa Khoa học, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

Từ 05/2019 đến nay: Giảng viên chính, Trưởng Bộ môn, Bộ môn Hoá học, Khoa Khoa học, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ hiện nay: Trưởng Bộ môn, Bộ môn Hoá học, Khoa Khoa học, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn, Bộ môn Hoá học, Khoa Khoa học, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Hoá học, Khoa Khoa học, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: Khu Phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: (84-28)-38966780

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):.....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng..... năm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):.....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):.....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 30 tháng 06 năm 1997; số văn bằng: A140158; ngành: Hoá học; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư Phạm Huế, Việt Nam.
- Được cấp bằng ThS ngày 22 tháng 05 năm 2006; số văn bằng: 75-HH/2006; ngành: Hoá học, chuyên ngành: Hoá phân tích; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG TpHCM, Việt Nam.
- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 08 năm 2013; số văn bằng: LEMANS 9245492; ngành: Hoá học, chuyên ngành: Hoá học và Hoá lý Polymer; Nơi cấp bằng TS: Đại học Le Mans, Cộng hoà Pháp.
- Được cấp bằng TSKH ngày.... tháng.....năm....., ngành:....., chuyên ngành:.....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):.....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày …..tháng …..năm……, ngành: …….

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Nông Lâm TP.Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hoá

học – Công nghệ thực phẩm.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Nghiên cứu tách chiết các loại polymer sinh học như cellulose, pectin, tinh bột từ các phụ phế phẩm nông nghiệp và nghiên cứu tổng hợp xanh các loại nano kim loại để ứng dụng trong lĩnh vực bao bì thực phẩm, môi trường và vật liệu y sinh, cụ thể:

- Nghiên cứu tách chiết petin từ phụ phế phẩm nông nghiệp ứng dụng tạo màng composite trên nền pectin.
- Nghiên cứu tổng hợp xanh các hạt nano ứng dụng làm chất kháng khuẩn tạo màng nanocomposite và làm vật liệu xúc tác quang xử lý chất màu hữu cơ.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ……. NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn **04 HVCH** bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên với vài trò chủ nhiệm: **03 đề tài** NCKH cấp Trường Đại học Nông Lâm TPHCM;
- Đã công bố **42** bài báo khoa học, trong đó **41** bài báo trên tạp chí quốc tế có uy tín.
- Đã được cấp (số lượng): ……..bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: **01 giáo trình**, thuộc nhà xuất bản có uy tín (NXB. Đại học Quốc Gia TPHCM);
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: …….

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2021-2022
- Giấy khen Hiệu Trưởng Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM đã đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động Khoa học Công nghệ giai đoạn 2018-2023.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): …….

**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Nghề giáo là nghề nghiệp cao quý, tôi tự nhủ lòng luôn phấn đấu học tập không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn và tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp. Cố gắng tự rèn luyện dưới sự giúp đỡ của tập thể nhà trường, thường xuyên phấn đấu tham gia nghiên cứu, hợp tác nghiên cứu và học tập với đồng nghiệp trong và ngoài nước, tham gia các Hội thảo khoa học và viết bài báo khoa học, chia sẻ kinh nghiệm và chuyên môn với đồng nghiệp và đối tác nghiên cứu. Hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và tích cực áp dụng

phương pháp giảng dạy lấy học viên làm trung tâm, không ngừng cải tiến học cụ trợ giảng.

Nhiệt tình và chân thành hỗ trợ giảng viên trẻ, học viên cao học và sinh viên trong học tập và nghiên cứu khoa học. Trau dồi và rèn luyện tư duy độc lập và kỹ năng làm việc nhóm, năng lực sáng tạo, tư duy logic, tư duy phản biện và năng lực vận dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng và hiện đại, rèn luyện tính nghiên cẩn trong nghiên cứu. Tự đánh giá và đối chiếu với tiêu chuẩn, nhiệm vụ của nhà giáo, tôi thấy mình có đủ tiêu chí đăng ký chức danh cao quý của nhà giáo Việt Nam, mong được Hội đồng giáo sư các cấp xem xét công nhận để tiếp tục đóng góp công sức và trí tuệ của mình cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo của đất nước.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 23 năm 0 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SĐH | |
| 1 | 2018-2019 | | | 03 ThS | 01 | 1005 | | 1005/866,4/216** |
| 2 | 2019-2020 | | | | 03 | 975 | | 975/871,35/216** |
| 3 | 2020-2021 | | | | 02 | 1365 | | 1365/1187,70/216** |
| **03 năm học cuối** | | | | | | | | |
| 4 | 2021-2022 | | | | 09 | 1230 | | 1230/1148,16/216** |
| 5 | 2022-2023 | | | | 04 | 1080 | | 1080/882,75/216** |
| 6 | 2023-2024 | | | | 06 | 915 | | 915/843,90/216** |

*(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.*

*- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;*

*- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.*

*(**) - Các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, ứng viên là giảng viên kiêm nhiệm Trưởng Bộ môn được giảm 20% giờ chuẩn nhiệm vụ theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM.*

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: [x]

- Học ĐH ☐ ; Tại nước: ……..…..; Từ năm …… đến năm …….

- Bảo vệ luận văn ThS ☐

- Bảo vệ luận án TS ☑ tại Trường Đại học Le Mans, Cộng Hoà Pháp năm 2013.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ……. số bằng: …….; năm cấp:……...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:…….....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): ……

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: ……...……...

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): ……

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng | | Trách nhiệm hướng dẫn | | Thời gian hướng dẫn từ … đến … | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | NCS | HVCH/CK2/BSNT | Chính | Phụ | | | |
| 1 | Lê Đức Anh | | x | x | | 09/2018-05/2019 | Trường Đại học Nông Lâm TPHCM | 20/09/2019 QĐ số 3255/QĐ-ĐHNL-SĐH |
| 2 | Lê Thanh Ngọc | | x | x | | 12/2018-07/2019 | Trường Đại học Nông Lâm TPHCM | 20/09/2019 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | QĐ số 3255/QĐ-ĐHNL-SĐH |
| 3 | Huỳnh Minh Thuận | | x | x | | 12/2018-07/2019 | Trường Đại học Nông Lâm TPHCM | 20/09/2019 QĐ số 3255/QĐ-ĐHNL-SĐH |
| 4 | Trần Hoàng Liễu | | x | x | | 05/2015-03/2016 | Viện Môi trường và Tài nguyên, Đại học Quốc Gia TPHCM | 19/11/2018 QĐ số 1422/QĐ-ĐHQG |

***Ghi chú:*** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| **TT** | **Tên sách** | **Loại sách (CK, GT, TK, HD)** | **Nhà xuất bản và năm xuất bản** | **Số tác giả** | **Chủ biên** | **Phần biên soạn (từ trang … đến trang)** | **Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Sau khi được công nhận Tiến Sĩ** | | | | | | |
| 1 | Thí nghiệm Hoá đại cương | GT | NXB Đại học Quốc gia Tp HCM. Năm 2024 ISBN: 987-604-479-611-6 | 4 | Đồng tác giả | | Quyết định số 1467/Qđ-ĐHNL-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2024 (v/v: cho phép lưu hành giáo trình phục công tác đào tạo đại học) và Giấy xác nhận số 2509/GXN-ĐHNL ngày 18 tháng 6 năm 2024 (v/v: sử dụng sách đã xuất bản làm giáo trình) |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],……

***Lưu ý:***

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|---|---|---|---|---|---|
| | **Sau khi được công nhận Tiến Sĩ** | | | | |
| 1 | Tổng hợp hệ Piperine-Curcumin bọc nano oxit sắt từ $Fe_3O_4$ ứng dụng trong y học. | CN | CS-CB17-KH-02 Cấp Trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM | 07/2017 – 06/2018 | Ngày nghiệm thu: 13/12/2018 **Xếp loại Tốt** |
| 2 | Tổng hợp nano bạc bằng phương pháp hoá học xanh kết hợp tạo màng PVA-Cellulose-AgNPs có khả năng kháng khuẩn. | CN | CS-CB19-KH-02 Cấp Trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM | 03/2020 – 02/2022 | Ngày nghiệm thu: 28/10/2021 **Xếp loại Tốt** |
| 3 | Trích ly pectin từ phụ phẩm nông nghiệp kết hợp tạo màng Pectin/Chitosan bổ sung hoạt chất kháng khuẩn. | CN | CS-CB22-KH-02 Cấp Trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM | 06/2022-05/2024 | Ngày nghiệm thu: 28/06/2023 **Xếp loại Tốt** |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| I | **Trước khi được công nhận Tiến Sĩ** | | | | | | | |
| I.1 | *Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế* | | | | | | | |
| 1 | Synthesis of ω-phosphonated poly (ethylene oxide) s through the combination of kabachnik–fields reaction and "click" chemistry https://doi.org/10.1002/pola.26399 | 4 | x | Journal of Polymer Science | SCIE, Q1, IF=3.4 | 9 | 51, 2, 415-423 | 10/2012 |
| 2 | Functional iron oxide magnetic nanoparticles with hyperthermia-induced drug release ability by using a combination of orthogonal click reactions https://doi.org/10.1002/anie.201306724 | 11 | x | Angewandte Chemie | SCIE, Q1, IF=16.6 | 196 | 52, 52, 14152-14156 | 11/2013 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| I.2 | *Bài báo đăng trên tạp chí trong nước* | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| II | **Sau khi được công nhận Tiến Sỹ** | | | | | | | |
| II.1 | *Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế* | | | | | | | |
| 3 | Phosphonated furan-functionalized poly (ethylene oxide) s using orthogonal click chemistries: synthesis and Diels–Alder reactivity https://doi.org/10.1039/C5PY00188A | 5 | x | Polymer Chemistry | SCIE, Q1, IF=4.6 | 9 | 6, 16 3024-3030 | 03/2015 |
| 4 | Preparation and Characterization of Polyethylene Glycol Coating Iron Oxide Nanoparticles for Curcumin Delivery https://doi.org/10.14233/ajchem.2019.21941 | 5 | x | Asian Journal of Chemistry | Scopus Q4 | 2 | 31, 8, 1719-1723 | 06/2019 |
| 5 | Application of the Response Surface Methodology for Green synthesis of silver nanoparticles using a plant extract of shallot https://doi.org/10.21608/ejchem.2020.25805.2507 | 6 | x | Egyptian Journal of Chemistry | ESCI Scopus Q3, IF=1.3 | 4 | 63, 11, 4579-4588 | 11/2020 |
| 6 | Simple and Efficient Method for the Detection and Quantification of Cordycepin Content in | 4 | | Chiang Mai Journal of Science | SCIE, IF=0.4, Q4 | 1 | 48, 2, 420-428 | 01/2021 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Cordyceps http://cmuir.cmu.ac.th/jspui/handle/6653943832/75824 | | | | | | | |
| 7 | Green Synthesis of silver nanoparticles using Plectranthus Amboinicus leaf extract for preparation of CMC/PVA nanocomposite film https://doi.org/10.32604/jrm.2021.015772 | 6 | x | Journal of Renewable Materials | Scopus Q2 | 9 | 9, 8, 1393-1411 | 04/2021 |
| 8 | Multifunctional ZnO nanoparticles bio-fabricated from Canna indica L. flowers for seed germination, adsorption, and photocatalytic degradation of organic dyes https://doi.org/10.1016/j.jhazmat.2021.126586 | 7 | | Journal of Hazardous Materials | SCIE, Q1, IF=13.6 | 114 | 420, 126586 | 10/2021 |
| 9 | Occurrence, toxicity and adsorptive removal of the chloramphenicol antibiotic in water: a review https://doi.org/10.1007/s10311-022-01416-x | 6 | | Environmental Chemistry Letters | SCIE, Q1, IF=15.7 | 78 | 20, 1929-1963 | 03/2022 |
| 10 | Formation, antimicrobial activity, and biomedical performance of plant-based nanoparticles: a | 6 | | Environmental Chemistry Letters | SCIE, Q1, IF=15.7 | 56 | 20, 2531-2571 | 03/2022 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | review https://doi.org/10.1007/s10311-022-01425-w | | | | | | | |
| 11 | Recent advances on botanical biosynthesis of nanoparticles for catalytic, water treatment and agricultural applications: A review https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2022.154160 | 6 | | Science of The Total Environment | SCIE, Q1, IF=9.8 | 71 | 827, 154160 | 06/2022 |
| 12 | Characterizations and antibacterial activities of passion fruit peel pectin/chitosan composite films incorporated Piper betle L. leaf extract for preservation of purple eggplants https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2022.e10096 | 6 | x | Heliyon | SCIE, Q1, IF=4.0 | 21 | 8, 8, e10096 | 08/2022 |
| 13 | Adsorptive optimization of crystal violet dye using central composite rotatable design and response surface methodology: statistical analysis, kinetic and isotherm studies https://doi.org/10.1007/s13369-022-07391-3 | 4 | x | Arabian Journal for Science and Engineering | SCIE, Q1, IF=2.9 | 3 | 48, 8835-8848 | 11/2022 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Facile synthesis of $CoFe_2O_4$@ MIL–53 (Al) nanocomposite for fast dye removal: Adsorption models, optimization and recyclability https://doi.org/10.1016/j.envres.2022.114269 | 6 | | Environmental Research | SCIE, Q1, IF=8.3 | 17 | 215, 1, 114269 | 12/2022 |
| 15 | Green synthesis of $ZnFe_2O_4$ nanoparticles using *Chrysanthemum* spp. flower extract for the adsorption and photocatalytic degradation of malachite green dye https://doi.org/10.1002/jctb.7305 | 6 | | Journal of Chemical Technology & Biotechnology | SCIE, Q2, IF=3.4 | 3 | 98, 11, 2639-2654 | 12/2022 |
| 16 | A critical review on the bio-mediated green synthesis and multiple applications of magnesium oxide nanoparticles https://doi.org/10.1016/j.chemosphere.2022.137301 | 6 | | Chemosphere | SCIE, Q1, IF=8.8 | 14 | 312, 1, 137301 | 01/2023 |
| 17 | Green synthesis of $ZnFe_2O_4$@ ZnO nanocomposites using Chrysanthemum spp. floral waste for photocatalytic dye | 7 | | Journal of Environmental Management | SCIE, Q1, IF=8.7 | 32 | 326, 116746 | 01/2023 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | degradation https://doi.org/10.1016/j.jenvman.2022.116746 | | | | | | | |
| 18 | A critical review on pineapple (Ananas comosus) wastes for water treatment, challenges and future prospects towards circular economy https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2022.158817 | 8 | | Science of The Total Environment | SCIE, Q1, IF=9.8 | 23 | 856, 1, 158817 | 01/2023 |
| 19 | New frontiers of invasive plants for biosynthesis of nanoparticles towards biomedical applications: A review https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2022.159278 | 6 | | Science of The Total Environment | SCIE, Q1, IF=9.8 | 35 | 857, 2, 159278 | 01/2023 |
| 20 | Passion fruit peel pectin/chitosan based antibacterial films incorporated with biosynthesized silver nanoparticles for wound healing application https://doi.org/10.1016/j.aej.2023.01.066 | 6 | x | Alexandria Engineering Journal | SCIE, Q1, IF=6.8 | 18 | 69, 419-430 | 04/2023 |
| 21 | Green synthesis of $ZnFe_2O_4$ nanoparticles using plant extracts and their applications: A review | 4 | | Science of The Total Environment | SCIE, Q1, IF=9.8 | 22 | 872, 162212 | 05/2023 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2023.162212 | | | | | | | |
| 22 | Plant extract-mediated synthesis of aluminum oxide nanoparticles for water treatment and biomedical applications: a review https://doi.org/10.1007/s10311-023-01607-0 | 6 | | Environmental Chemistry Letters | SCIE, Q1, IF=15.7 | 7 | 21, 2417-2439 | 05/2023 |
| 23 | A critical review on the biosynthesis, properties, applications and future outlook of green $MnO_2$ nanoparticles https://doi.org/10.1016/j.envres.2023.116262 | 6 | | Environmental Research | SCIE, Q1, IF=8.3 | 8 | 231, 2, 116262 | 08/2023 |
| 24 | Recent advances on biogenic nanoparticles for detection and control of plant pathogens in sustainable agriculture: A review https://doi.org/10.1016/j.indcrop.2023.116700 | 6 | | Industrial Crops and Products | SCIE, Q1, IF=5.9 | 3 | 198, 116700 | 08/2023 |
| 25 | Microwave-assisted extraction of pectin from jackfruit rags: Optimization, physicochemical properties and antibacterial activities | 4 | x | Food Chemistry | SCIE, Q1, IF=8.8 | 17 | 418, 135807 | 08/2023 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | https://doi.org/10.1016/j.foodchem.2023.135807 | | | | | | | |
| 26 | A review on the occurrence, analytical methods, and impact of microplastics in the environment https://doi.org/10.1016/j.etap.2023.104248 | 6 | | Environmental toxicology and pharmacology | SCIE, Q2, IF=4.3 | 13 | 102, 104248 | 09/2023 |
| 27 | Biosynthesis of green CuO@C nanocomposite using *Combretum indicum* flower extract for organic dye removal: adsorption performance, modeling, and recyclability studies https://doi.org/10.1007/s11356-023-29707-y | 6 | | Environmental Science and Pollution Research | SCIE, Q1, IF=5.8 | 2 | 1-20 | 09/2023 |
| 28 | A comparative study on the malachite green dye adsorption of chemically synthesized and green $MgFe_2O_4$ nanoparticles using gerbera floral waste extract https://doi.org/10.1007/s11356-023-29779-w | 5 | | Environmental Science and Pollution Research | SCIE, Q1, IF=5.8 | | 1-18 | 09/2023 |
| 29 | Green synthesis of CuO, ZnO and CuO/ZnO nanoparticles using Annona glabra leaf extract for antioxidant, | 5 | x | Journal of Environmental Chemical Engineering | SCIE, Q1, IF=7.7 | 4 | 11, 5, 111003 | 10/2023 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | antibacterial and photocatalytic activities https://doi.org/10.1016/j.jece.2023.111003 | | | | | | | |
| 30 | Formation, properties and applications of microalgae-based ZnO nanoparticles: A review https://doi.org/10.1016/j.jece.2023.110939 | 6 | | Journal of Environmental Chemical Engineering | SCIE, Q1, IF=7.7 | 2 | 11, 5, 110939 | 10/2023 |
| 31 | Occurrence, toxicity, impact and removal of selected non-steroidal anti-inflammatory drugs (NSAIDs): A review https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2023.165317 | 4 | | Science of The Total Environment | SCIE, Q1, IF=9.8 | 13 | 898, 165317 | 11/2023 |
| 32 | Fruit waste-derived aerogels for the removal of dyes, heavy metals and oils in water: a review https://doi.org/10.1007/s10311-023-01667-2 | 4 | | Environmental Chemistry Letters | SCIE, Q1, IF=15.7 | 1 | 22, 419-443 | 11/2023 |
| 33 | Production of MgFe2O4/activated carbons derived from a harmful grass Cynodon dactylon and their utilization for ciprofloxacin removal https://doi.org/10.1016/j.chemosphere.2023.139891 | 4 | | Chemosphere | SCIE, Q1, IF=8.8 | 3 | 343, 139891 | 12/2023 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 34 | Functionalization strategies of metal-organic frameworks for biomedical applications and treatment of emerging pollutants: A review https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2023.167295 | 4 | | Science of The Total Environment | SCIE, Q1, IF=9.8 | 14 | 906, 167295 | 01/2024 |
| 35 | Recent progress and challenges of MOF-based nanocomposites in bioimaging, biosensing and biocarriers for drug delivery https://doi.org/10.1039/d3na01075a | 6 | | Nanoscale Advances | SCIE, Q1, IF=4.7 | | 6, 7, 1800-1821 | 03/2024 |
| 36 | Insight into adsorption performance and mechanism of Congo red dye onto $ZnFe_2O_4$@ ZIF-8 nanocomposite in water https://doi.org/10.1016/j.surfin.2024.103995 | 4 | | Surfaces and Interfaces | SCIE, Q1, IF=6.2 | 2 | 46, 103995 | 03/2024 |
| 37 | Tecoma stans floral extract-mediated synthesis of $MgFe_2O_4$/ZnO nanoparticles for adsorption and photocatalytic degradation of coomassie brilliant blue dye | 4 | | Environmental Science and Pollution Research | SCIE, Q1, IF=5.8 | | 31, 29806-26823 | 03/2024 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | https://doi.org/10.1007/s11356-024-32780-6 | | | | | | | |
| 38 | Effect of pyrolysis temperature on characteristics and chloramphenicol adsorption performance of $NH_2$-MIL-53 (Al)-derived amine-functionalized porous carbons https://doi.org/10.1016/j.chemosphere.2024.141599 | 7 | | Chemosphere | SCIE, Q1, IF=8.8 | | 355, 141599 | 05/2024 |
| 39 | Novel films of pectin extracted from ambarella fruit peel and jackfruit seed slimy sheath: Effect of ionic crosslinking on the properties of pectin film https://doi.org/10.1016/j.carbpol.2024.122043 | 5 | x | Carbohydrate Polymers | SCIE, Q1, IF=11.2 | | 334, 122043 | 06/2024 |
| 40 | Synthesis of $MnFe_2O_4$/activated carbon derived from durian shell waste for removal of indole in water: optimization, modelling, and mechanism https://doi.org/10.1016/j.envres.2024.118883 | 5 | | Environmental Research | SCIE, Q1, IF=8.3 | | 254, 118883 | 05/2024 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 41 | A waste-to-wealth conversion of plastic bottles into effective carbon-based adsorbents for removal of tetracycline antibiotic from water https://doi.org/10.1016/j.envres.2024.119144 | 6 | | Environmental Research | SCIE, Q1, IF=8.3 | | 255, 119144 | 05/2024 |
| II.2 | *Bài báo đăng trên tạp chí trong nước* | | | | | | | |
| 42 | Decolorization of textile dyes by $TiO_2$ -based photocatalyst using polyol as electron donor https://doi.org/10.32508/stdjns.v2i5.782 | 4 | | Science and Technology Development Journal - Natural Sciences | | | 2, 5, 83-89 | 07/2019 |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau Tiến sĩ**: 10 bài** (các số thứ tự 3, 4, 5, 7, 12, 13, 20, 25, 29, 39).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| I | **Trước khi được công nhận Tiến Sĩ** | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| II | **Sau khi được công nhận Tiến Sĩ** | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| | | | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: ……...

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | |
| | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: ……..……...

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | |
| ... | | | | | |
| | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: ..…….

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| | | | | | | |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): ……

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (ƯV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): ……

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):……..

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):……

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ……

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: …….

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: ……

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ……

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ;☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: …….

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: ……

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: …….

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: ……

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Tp Hồ Chí Minh , ngày 22 tháng 06 năm 2024*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Thị Thanh Thuý**